

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



ĐỨC KHỔNG TỬ
GIÁO CHỦ NHO GIÁO
TỪNG THIÊN — TỬ BẠCH HẠC

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2015
hai • không • một • năm

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAL.INFO. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn SOẠN GIẢ TÙNG THIÊN TỬ BẠCH HẠC, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 07/10/2015

Tâm Nguyễn

ĐỨC KHỔNG TỬ
GIÁO CHỦ NHO GIÁO
TÙNG THIÊN – TỬ BẠCH HẠC



MỤC LỤC

ĐỨC KHỔNG TỬ–GIÁO CHỦ NHO GIAO	9
▪ 1. Đức tánh của Đức Khổng Tử.....	12
▪ 2. Thời kỳ tham chánh và dạy học	12
▪ 3. Thời kỳ chu du các nước chư Hầu.....	19
▪ 4. Thời kỳ soạn sách và dạy học trò	19
▪ 5. Đức Khổng Tử tạ thế.....	21
▪ 6. Các triều đại phong tặng Đức Khổng Tử.....	22
▪ 7. Văn miếu.....	23
▪ 8. Đức Khổng Tử trong Đạo Cao Đài	24



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

ĐỨC KHỔNG TỬ-GIÁO CHỦ NHỌ GIAO^[1]

孔子

ĐỨC KHỔNG TỬ TÊN LÀ KHÂU, TỰ LÀ TRỌNG NI, sinh ngày 27 tháng 8 âm lịch năm Canh Tuất (551 trước Tây lịch), đời vua Châu Linh Vương năm thứ 21 nhà Châu, tương ứng với đời vua Lỗ Tương Công năm thứ 22, tại làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nước Lỗ, bây giờ là Tỉnh Sơn Đông nước Trung Hoa. Đức Khổng Tử là dòng dõi của Vi Tử Khải và Vi Tử Diễn, 2 người này là anh ruột của vua Trụ, con của vua Đế Ất nhà Thương (cũng còn gọi là nhà Ân).



Âu khi Châu Võ Vương diệt vua Trụ, mở ra nhà Châu, Ông Châu Công Đán cho Vi Tử Khải làm vua nước Tống, gọi là Tống Công, để trông nom việc tế tự các vua nhà Thương. Vi Tử Khải mất, em là Vi Tử Diễn lên thay.

Cháu 13 đời của Vi Tử Diễn là Thúc Lương Ngột, làm quan Đại phu nước Lỗ, là thân phụ của Đức Khổng Tử. Ngài lấy họ Khổng, bởi vì Thúc Lương Ngột là dòng dõi của Khổng Phùng Thúc, biệt lập ra họ Khổng kể từ Khổng Phụ Gia, sau 5 đời Công Khanh thế tập ở nước Tống. Thúc Lương Ngột có người vợ cả họ Thi, sanh được 9 người con gái, một người vợ lẽ sanh

[1] Tiểu Sử ĐỨC KHỔNG TỬ-GIÁO CHỦ NHỌ GIAO được trích ra từ Quyển CÁC Đấng THIÊN LIÊNG do Tùng Thiên-Từ Bạch Hạc biên soạn.

được một con trai nhưng bị què một chân, tên là Mạnh Bì, tự là Bá Ni. Năm Thúc Lương Ngột 70 tuổi, sợ không có người kế tự, mới sai người đến nhà họ Nhan để cầu hôn.

Họ Nhan có 5 người con gái đều chưa gả chồng, có ý chê Thúc Lương Ngột quá già, mới bảo với các con rằng:

– Các con có đứa nào thuận kết duyên với quan Đại phu ở Châu Ấp đó không?

Bốn người con gái lớn đều làm thính, người con gái út là Trưng Tị đứng dậy thưa rằng:

– Phép làm con gái, khi còn ở nhà thì theo lời cha, cha đặt đâu con xin ngồi đó.

Họ Nhan nghe con gái út nói thế thì lấy làm lạ, liền gả Trưng Tị cho Thúc Lương Ngột. Trưng Tị đã kết duyên với Thúc Lương Ngột rồi, vợ chồng lo về sự hiểm hoi không có con trai nối dõi, nên cùng nhau vào núi Ni Sơn cầu tự. Khi Trưng Tị trèo lên núi Ni sơn, bao nhiêu lá cây đều rung động lên cả.

Khi làm lễ cầu tự xong, đi trở xuống thì lá cây lại rủ xuống như cũ. Đêm hôm ấy, Trưng Tị nằm mộng thấy Thần Hắc Đế triệu đến mà bảo rằng:

– Sau này, nàng sẽ sanh con Thánh, nhưng khi nào lâm sản thì nên vào ở trong hang núi Không Tang. Đến khi nàng thức giấc tỉnh dậy thì biết mình có thai.

Một hôm khác, Trưng Tị mơ mơ màng màng như người chiêm bao, chợt thấy một Ông già đến đứng ở sân, tự xưng là Ngũ Tinh, dắt theo một con thú giống như con trâu con mà lại có một sừng, mình có vằn. Con thú ấy trông thấy Trưng Tị thì nằm phục xuống và nhả ra

một cái ngọc xích, trên đó có thấy đề chữ: “*Con nhà Thủy Tinh, nối đời Suy Châu mà làm vua không ngôi*”. Trưng Tị biết là điềm lạ, liền lấy dải lụa buộc vào sừng con thú ấy.

Khi tỉnh dậy, Trưng Tị thuật điềm chiêm bao ấy cho chồng nghe.

Thúc Lương Ngột nói:

– Con thú ấy là con kỳ lân.

Gần đến sản kỳ, Trưng Tị hỏi hang núi Không Tang ở đâu?

Thúc Lương Ngột nói:

– Núi Nam sơn có một cái hang đá, tục gọi là hang Không Tang.

Trưng Tị liền sửa soạn đến đó ở và sanh đẻ trong hang Không Tang đúng theo lời Thần nhân mách bảo. Đêm hôm sanh ra Khổng Tử, có 2 con rồng xanh từ trên Trời bay xuống nằm phục ở 2 bên sườn núi và có 2 vị Thần Nữ đem nước hương lộ đến gội đầu cho Trưng Tị. Gội xong thì biến đi. Khi Trưng Tị lâm sản, bỗng thấy trong hang đá có một suối nước nóng chảy ra để cho Trưng Tị tắm. Tắm xong thì suối cạn ngay.

Thúc Lương Ngột nói:

– Vì ta cầu tự nơi núi Ni sơn mà được đứa bé này, nên ta đặt tên cho nó là Khâu, tự là Trọng Ni.

Trưng Tị biết đứa con này sẽ làm nên việc lớn, nên hết sức nuôi nấng và chăm sóc con. Ông Khổng Tử có tướng lạ lắm: Môi như môi trâu, tay như tay hổ, vai như vai chim uyên, lưng rùa, miệng rộng, hầu lộ, trán phẳng và cao, khi lớn, mình cao 9 thước 6 tấc (thước Tàu), có

tánh ham học.

Năm Khổng Tử lên 3 tuổi thì cha mất. Ngài sống với mẹ trong cảnh nhà nghèo. Khi lớn lên, mẹ cho đi học, Ngài chơi với trẻ hàng xóm, thích bày trò cúng tế.

Năm 15 tuổi, lập chí học tập.

Năm 19 tuổi, Ngài cưới vợ, vợ của Ngài là con của họ Thượng Quan nước Tống.

Năm 20 tuổi, vợ Ngài sanh đặng một con trai. Hòm đó, Lỗ Chiêu Công sai đem đến ban cho Ngài một con cá chép (Lý ngư), nên nhân đó, Ngài đặt tên con là Lý tự là Bá Ngư, để tỏ lòng tôn trọng vật của vua ban tặng. Về sau, Bá Ngư chết lúc 50 tuổi, chết trước Đức Khổng Tử. Con của Bá Ngư tên là Khổng Cấp, tự là Tử Tư, sau theo học với Tăng Sâm, rồi làm ra sách Trung Dung.

1. ĐỨC TÁNH CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ

Đức Khổng Tử là người rất thông minh, luôn luôn ham học. Bất cứ việc gì, Ngài cũng để ý xem xét rất kỹ lưỡng để biết cho cùng tận mới thôi. Tánh Ngài ôn hòa, nghiêm trang, khiêm tốn, làm việc gì cũng hết sức cẩn thận, đề cao lễ nhạc, luôn luôn tin vào Thiên mệnh.

2. THỜI KỲ THAM CHÍNH VÀ DẠY HỌC

Năm 21 tuổi, Đức Khổng Tử được cử làm chức Ủy Lại, một chức quan nhỏ coi việc sổ sách của kho lúa, cùng là cân đo và gặt lúa. Sau đó, qua làm chức Tư Chức Lại, coi việc nuôi bò, dê, súc vật dùng trong việc tế tự.

Năm Ngài 25 tuổi thì chịu tang mẹ.

Năm 29 tuổi, Ngài học đàn với Sư Tương, ở nước Lỗ. Tuy làm chức quan nhỏ, nhưng Đức Khổng Tử đã nổi tiếng là người học rộng, biết nhiều, nên quan Đại phu nước Lỗ là Trọng Tôn Cổ, cho 2 người con trai là Hà Kỳ và Nam Cung Quát theo Ngài học Lễ.

Đức Khổng Tử muốn đến Lạc Dương, kinh đô nhà Châu, để nghiên cứu về nghi lễ, chế độ miếu đường, nhưng vì nhà nghèo, không đủ tiền lộ phí, đành than thở mà thôi. Học trò Ngài là Nam Cung Quát nghe vậy, liền về tâu với Lỗ Chiêu Công. Vua liền ban cho Ngài một cỗ xe song mã và vài tên quân hầu cận để đưa Ngài và Nam Cung Quát đi Lạc Dương. Đến nơi, Đức Khổng Tử quan sát nhà Tôn miếu, nhà Minh đường, khảo cứu luật lệ và thư tịch đời cổ, đi xem Giao đàn là nơi nhà vua tế Thiên Địa và Tinh tú, rồi đến Xá đàn là nơi vua tế Thần Nông và Thần Hậu Thổ.

Nơi nào có quan hệ đến việc tế lễ thì Ngài đến quan sát và hỏi han cho tường tận. Ngài đến gặp Trình Hoàn để hỏi về Nhạc. Khi ở Lạc Dương, Đức Khổng Tử còn tìm đến gặp Đức Lão Tử để hỏi về Lễ. *(Xem trở lại Tiểu sử của Đức Lão Tử để biết việc đối đáp của 2 vị Thánh nhân)*^[1].

[Đức Khổng Tử qua kinh đô nhà Châu học Lễ, nghe nói có Đức Lão Tử tại đó, liền đến xin ra mắt và hỏi Đức Lão Tử về Lễ. (Chuyện gặp gỡ này có chép trong sách Sử Ký của Tư Mã Thiên). Đức Khổng Tử chủ trương theo các nghi lễ của các vua đời trước, nhưng Đức Lão Tử bác bỏ ý

[1] Để tiện việc tham khảo, chúng tôi mạo muội trích đoạn đối đáp của 2 vị Thánh nhân từ phần Tiểu Sử của Đức Lão Tử mà tác giả đã đề nghị nên xem lại, và thêm đoạn đối đáp (chữ nghiêng -Italic) tiếp theo sau đây.—TN.

kiến đó, nói rằng:

– Những người mà Ông nói đó đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ mà thôi. Và lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghinh ngang, không gặp thời thì tay vịn nón lá mà đi chơn không. Tôi nghe nói: **Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng; người quân tử có đức tốt thì diện mạo thường như ngu si.** Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm hở cùng cái khí tham lam đi, những thứ ấy đều không ích chi cho Ông. Tôi chỉ nói với Ông có thể thôi.

Đến khi Đức Khổng Tử cáo từ, Đức Lão Tử tiễn Đức Khổng Tử ra cửa và nói:

– Tôi nghe nói: Người giàu sang lấy tiền bạc để tiền nhau, người nhân đức dùng lời nói để tiền nhau. Tôi không thể làm người giàu sang, nhưng trộm lấy tiếng là người nhân đức, xin có lời này tiễn Ông: **Kẻ thông minh và sâu sắc là gần cái chết vì họ khen chê người ta một cách đúng đắn; kẻ giỏi biện luận, đầu óc sâu rộng làm nguy hiểm đến thân mình vì họ nêu lên cái xấu của người khác. Kẻ làm con không có cách nào để giữ mình, kẻ làm tôi cũng không có cách gì để giữ mình.**

Ý của Đức Lão Tử, khi nói ra các lời trên với Đức Khổng Tử, là Ngài chống lại sự thông minh, sự Trung và sự Hiếu, là những nguyên lý mà Đức Khổng Tử đang chủ trương, bởi vì: Có trí khôn thì dễ nguy, nếu cứ theo Trung và Hiếu thì cứ hoàn toàn bị lệ thuộc vào vua và vào cha mẹ, khó lòng được sống tự do tự tại, ung dung thong thả.

Đức Khổng Tử ra về, nói với các học trò:

– *Con chim, ta biết nó bay; con cá ta biết nó lội, con thú ta biết nó chạy. Đối với loài chạy thì ta có thể dùng lưới để săn, đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt, đối với loài bay thì ta có thể dùng cung tên mà bắn, đến như con rồng cỡi mây cỡi gió lên Trời, ta không sao biết được. Hôm nay, gặp được Lão Tử, Ông ta có lẽ là con rồng chăng?]*^[1]

Đức Khổng Tử ở Lạc Dương khảo sát các việc xong thì trở về nước Lỗ. Từ đó, sự học của Ngài càng rộng hơn nhiều nên học trò xin theo học càng lúc càng đông. Nhưng vua Lỗ vẫn chưa dùng Ngài vào việc nước.

Được mấy năm, trong nước Lỗ, Quý Bình Tử khởi loạn. Ngài theo Lỗ Chiêu Công tạm lánh sang nước Tề. Ở đây Ngài học được Nhạc thiều. Tề Cảnh Công mời Ngài tới để hỏi việc Chánh trị. Vua Tề rất khâm phục, muốn đem đất Ni Khê phong cho Ngài, nhưng quan Tướng Quốc nước Tề là Yến Anh ngăn cản không cho.

Năm sau, Ngài trở về nước Lỗ, thấy họ Quý dùng Dương Hồ để chuyên quyền, ý muốn tiếm đoạt. Ngài quay về quê lo việc dạy học, và nghiên cứu cho tường tận Đạo học của Thánh hiền. Lúc đó Ngài được 36 tuổi. Đến năm thứ 9 đời vua Lỗ Định Công, Ngài được 51 tuổi, được vua Lỗ mời ra làm quan, phong cho chức Trung Đô Tế lo việc cai trị ở Ấp Trung Đô, tức là đất Kinh thành. Một năm sau, 4 phương lấy chính sự của Ngài làm khuôn mẫu.

Năm Lỗ Định Công thứ 10 (500 năm trước Tây lịch), Ngài phò vua Lỗ đi phó hội với Tề Cảnh Công ở Giáp Cốc. Nhờ tài ngôn luận và ứng đáp kịp thời, vua Tề rất khâm phục và trả lại cho nước Lỗ 3 khoảnh đất ở

[1] Các đoạn chữ nghiêng (italic) vốn không có trên nguyên bản, chúng tôi thêm vào theo lời đề nghị nên xem của tác giả.—TN.

Quy Âm mà Tề đã chiếm của Lỗ từ mấy năm trước. Qua năm sau, Đức Khổng Tử giữ chức Tư Không, rồi thăng lên Đại Tư Khấu (Hình Bộ Thượng Thơ) coi việc hình án. Ngài đặt ra luật lệ để cứu giúp kẻ nghèo khổ, lập ra phép tắc, định việc tống táng, lớn nhỏ có trật tự, trai gái không lẫn lộn, gian phi trộm cắp không còn nữa, xã hội được an bình thịnh trị.

Sau 4 năm, Lỗ Định Công phong Ngài lên làm Nhiếp Tướng Sự (Tướng Quốc), coi việc Chánh trị trong nước. Ngài cầm quyền được 7 ngày thì tâu với vua Lỗ xin giết gian thần Thiếu Chính Mão để chỉnh đốn quốc chính.

Đức Khổng Tử giết Thiếu Chính Mão:

Thiếu Chính Mão là một nịnh thần rất nguy hiểm dưới trào Lỗ Định Công. Bảy giờ, Đức Khổng Tử đang làm quan Tướng Quốc nước Lỗ. Quý Tôn Tử, một vị Đại Thân quyền thế trong triều, nhưng luôn luôn hỏi ý kiến của Đức Khổng Tử mỗi khi có một quyết định trong công việc trị nước. Nhưng phần Thiếu Chính Mão, khi Đức Khổng Tử nói ra câu gì thì liền gièm pha khiến cho người nghe phân vân và đôi khi bị mê hoặc.

Đức Khổng Tử mật tâu với Lỗ Định Công:

– Nước Lỗ không cường thịnh lên được là vì trung nịnh không phân biệt, thưởng phạt không nghiêm minh. Thí dụ như muốn trồng lúa tốt tất phải trừ bỏ cỏ xấu. Xin Chúa công cho đem các đồ phủ việt (dùng vào việc hình) trong nhà Thái miếu bày ra ở dưới Lưỡng quán để dùng vào việc hình. Lỗ Định Công thuận cho.

Sáng hôm sau, Lỗ Định Công truyền cho các quan triều đình hội nghị để bàn việc phá thành ấp xem lợi hại

thế nào. Các quan người nói nên phá, người nói không nên phá. Thiếu Chính Mão đón ý Đức Khổng Tử, nói rằng:

– Phá thành có 6 điều kiện:

1. Để tôn trọng quyền vua không ai bằng.
2. Để tôn trọng cái quyền thế Đô thành.
3. Để ức quyền tư môn.
4. Để khiến cho kẻ gian thần lộng quyền không chỗ nương cậy.
5. Để yên lòng 3 nhà: Mạnh, Thúc, Quý.
6. Để khiến cho các nước nghe việc nước Lỗ ta làm mà phải kính phục.

Đức Khổng Tử tâu với Lỗ Định Công:

– Thành ấp nay đã thế cô còn làm gì được, hưởng chi Công Liêm Dương vẫn có lòng trung với vua, sao dám bảo là lộng quyền. Thiếu Chính Mão dùng lời nói khéo để làm loạn chánh trị, khiến vua tôi ly gián, cứ theo phép thì nên giết.

Các quan trong triều tâu:

– Thiếu Chính Mão là người danh giá ở nước Lỗ ta, đâu có nói lảm đi nữa cũng chưa đến tội chết.

Đức Khổng Tử lại tâu với Lỗ Định Công:

– Thiếu Chính Mão là người dối trá mà lại biện bác, làm cho người ta mê hoặc. Nếu không giết đi thì việc chánh trị không thi hành nổi. Xin Chúa Công cho đem phủ việt ra để trị tội. Đức Khổng Tử truyền cho lực sĩ trói Thiếu Chính Mão đem đến Lương quán mà giết đi. Các quan trong triều đều sợ hãi, xám xanh cả mặt. Ba nhà: Mạnh, Thúc Quý, trông thấy cũng đều kinh sợ.

Từ khi giết xong Thiếu Chính Mão, Lỗ Định Công và 3 nhà Mạnh, Thúc, Quý mới một lòng nghe theo lời của Đức Khổng Tử. Nhờ vậy, Đức Khổng Tử chỉnh đốn kỷ cương trong nước, dạy dân những điều lễ, nghĩa, liêm, sĩ, nên dân không còn nhiều loạn mà chánh trị mỗi ngày một hay.

Ba tháng sau, phong tục biến cải cả: Các nhà buôn gà và heo không dám nhồi cám để dối người mua; trong khi ra đường, trai gái đi phân biệt nhau, không hỗn loạn, thấy cửa rơi ngoài đường thì không ai lượm, người nước khác du lịch đến nước Lỗ được tiếp đãi tử tế, không để cho thiếu thốn. Dân nước Lỗ có làm một bài ca để tán tụng công đức của Khổng Tử.

Bài ca ấy được truyền tụng sang nước Tề. Tề Cảnh Công lo ngại nói rằng:

– Nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu ắt nên nghiệp Bá, tất họa đến nước Tề, ta biết làm thế nào?

Quan Đại Phu Lê Di tâu rằng:

– Chúa Công lo nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu, sao không lập cách ngăn đi.

Tề Cảnh Công nói:

– Nước Lỗ giao quyền chánh trị cho Khổng Khâu, ta dùng cách gì mà ngăn trở được?

Lê Di tâu:

– Tính con người ta, hễ được cường thịnh tất sanh lòng kiêu mạn. Xin Chúa Công lập một Bộ Nữ Nhạc mà đem dâng vua Lỗ. Vua Lỗ mà nhận Bộ Nữ Nhạc tất sanh lòng biếng mà chán Khổng Khâu. Bấy giờ tất Khổng

Khâu phải bỏ nước Lỗ mà đi, Chúa Công mới có thể ngồi yên được.

Quả vậy, Lỗ Định Công, không nghe lời can gián của Đức Khổng Tử, nhận Bộ Nữ Nhạc thì mê say theo, bỏ bê việc triều chánh, có khi luôn 3 ngày không ra coi triều, mọi việc đều giao cả cho Họ Quý. Đức Khổng Tử can gián vua Lỗ nhiều lần nhưng không được, lại có thể bị hại vì lời gièm siểm của bọn gian thần.

Do đó, trong ngày Lễ Tế Giao, vua Lỗ không nhìn đến, cũng không đem phần thịt tế biểu cho các quan Đại Phu. Đức Khổng Tử nhân việc lỗi nhỏ của vua Lỗ mà xin từ chức, bỏ nước Lỗ đi chu du các nước chư hầu.

3. THỜI KỲ CHU DU CÁC NƯỚC CHƯ HẦU

Đức Khổng Tử cùng các học trò đi qua các nước: Vệ, Khuông, Trần, Tống, Thái, Sở, để mong thuyết phục các vua chư Hầu chịu đem cái Đạo của Ngài ra ứng dụng để đem lại thái bình thịnh trị cho dân chúng. Nhưng cái Đạo của Ngài là Vương Đạo nên đi ngược ý đồ Bá Đạo của các vua chư Hầu và quyền lợi của các quan Đại phu nên các vua chư Hầu đều không dám dùng Ngài.

Rốt cuộc, sau 14 năm đi chu du các nước không thành công, Ngài phải trở về nước Lỗ, có quan Đại Phu Quý Khang Tử sai Công Hoa ra đón Ngài. Phu nhân của Đức Khổng Tử là bà Thượng Quan đã mất trước đó một năm, nhằm năm Lỗ Ai Công thứ 10.

4. THỜI KỲ SOẠN SÁCH VÀ DẠY HỌC TRÒ

Khi trở về nước Lỗ, Đức Khổng Tử đã 68 tuổi. Ngài

trở lại quê nhà để mở mang việc dạy học và soạn sách. Tổng số môn đệ của Đức Khổng Tử có lúc lên tới 3000 người (Tam thiên đồ đệ), trong đó có 72 người được liệt vào hạng tài giỏi, nên gọi là Thất thập nhị Hiền. Đức Khổng Tử san định lại các kinh sách của Thánh Hiền đời trước như: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch.

Ngài ghi chú các lời nói của Thánh Hiền đời trước, xếp đặt lại cho có thứ tự, chú thích những chỗ khó hiểu, nhất là với Kinh Dịch, Ngài chú giải rất kỹ. Sau đó, Đức Khổng Tử viết ra sách Xuân Thu, chép những việc của nước Lỗ và của nhà Châu (Chu) liên hệ với các nước chư Hầu từ đời Lỗ Ân Công nguyên niên (721 trước Tây lịch) đến đời Lỗ Ai Công thứ 14 (481 trước Tây lịch), tổng cộng là 242 năm.

Xem hình thể bề ngoài thì sách Xuân Thu chỉ là một cuốn sử biên niên, lời lẽ vắn tắt, lăm chõ hình như không có ý nghĩa gì cả, nhưng xét rõ đến tinh thần thì thật là một bộ sách triết lý về chánh trị. Mạnh Tử là người đã hiểu rõ nghĩa của Kinh Xuân Thu, nói: *“Kinh Thi hết, nhiên hậu Kinh Xuân Thu mới làm ra. Việc ở trong sách Xuân Thu là việc Hoàn Công nước Tề, Văn Công nước Tống, văn trong sách là văn sử, nghĩa thì Đức Khổng Tử nói rằng: Khâu nầy trộm lấy đó vậy. Nghĩa là Ngài lấy truyện ở trong các sách nước Tấn, nước Sở, nước Tề, nước Lỗ mà biểu thị cái ý nghĩa của Ngài muốn bày tỏ ra. Thời Xuân Thu lúc bấy giờ, xã hội nước Tàu loạn lạc, vua các nước chư Hầu làm nhiều điều bạo ngược và ai cũng muốn lấn quyền Thiên Tử nhà Châu. Ngài không muốn để sự phê bình phán đoán của Ngài động chạm đến những người quyền thế đương thời, vả lại cái học sâu xa của Ngài là cái học Tâm truyền,*

nên Ngài mượn lối văn viết sử, nói việc đã qua để ngụ cái vi ý của Ngài.”

Sách Trang Tử cũng có nói ở thiên Thiên Hạ rằng: “*Xuân Thu dĩ Đạo danh phận*”: Sách Xuân Thu nói về cái đạo Danh và Phận. Vậy, ý kiến của các nhà hiền triết đời Chiến quốc, thì sách Xuân Thu là sách để Tâm truyền cái đại nghĩa Danh và Phận, về đường Luân lý và Chánh trị, chớ không phải là sách chép sử như người ta thường hiểu lầm.

Sách Xuân Thu có 3 chủ nghĩa là: – Chính danh tự. – Định danh phận. – Ngụ bao biếm. Chủ ý của Đức Khổng Tử là tôn nhà Châu, dẫu đời bấy giờ, các nước chư Hầu có khi không muốn biết đến nhà Châu nữa, nhưng Ngài vẫn chép ngay đầu sách là: “*Xuân Vương Chánh nguyệt*”, nghĩa là: Mùa Xuân, tháng Giêng vua nhà Châu, để tỏ cái ý vẫn nhận nhà Châu làm chủ Thiên hạ. Đức Khổng Tử là bậc Chí Nhân Chí Thánh, nhưng Ngài vẫn khiêm tốn không dám nhận mình là Thánh nhân.

Đối với các môn đệ, Ngài rất dễ dãi. Hễ ai theo đúng lễ đến xin học thì Ngài không bao giờ từ chối. Ngài thu nhận học trò, không kể giàu nghèo, con quan hay con dân. Ngài mở ra một nền giáo dục bình dân đại chúng, đào tạo được một lớp người trí thức mới, tài giỏi và có đức hạnh trong giới bình dân. Sự giáo hóa của Ngài chủ yếu là làm sao cho sáng tỏ cái đức sáng của người, chớ không gom vào trong sự truyền thụ kiến thức. Đây là một phương pháp giáo dục rất hay để khai mở cái Tâm của con người vậy.

5. ĐỨC KHỔNG TỬ TẠ THẾ

Mùa Xuân năm Lỗ Ai Công thứ 14 (481 trước Tây

lịch), người nước Lỗ đi săn bắt được một con kỳ lân què một chân bên trái phía trước. Đức Khổng Tử đến xem rồi bưng mặt khóc. Khi trở về, Ngài than rằng:

“*Ngô đạo cùng hý!*” (Đạo của ta đến lúc cùng!). Sách Xuân Thu chép đến chuyện này thì hết, nên đời sau còn gọi sách Xuân Thu là *Lân Kinh*.

Năm Nhâm Tuất đời Lỗ Ai Công thứ 17 (479 trước Tây lịch), một hôm Đức Khổng Tử chống gậy đi tản bộ trước nhà, vừa đi vừa hát: *Thái sơn kỳ đới hồ! Lương mộc kỳ hoại hồ! Triết nhân kỳ nuy hồ!* (Núi Thái sơn đổ ư! Cây gỗ tốt hư hoại ư! Triết nhân mòn mỏi ư!) Học trò của Ngài là Tử Cống liền đến hỏi thăm Ngài. Ngài nói: “*Ta biết mình sắp chết.*”

Đến ngày Kỷ Sửu, tức là ngày 18 tháng 2 năm Nhâm Tuất, Đức Khổng Tử tạ thế, hưởng thọ 73 tuổi.

Mộ của Ngài ở bên bờ sông Tú Thủy, phía Bắc thành nước Lỗ, nay gọi là Khổng Lâm, thuộc huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông. Ba ngàn đồ đệ của Ngài đều thương tiếc và than khóc, nguyện để tang Thầy 3 năm. Có hơn 100 môn đệ làm nhà chung quanh phần mộ để lo phụng tự trong 3 năm, riêng Tử Cống ở đó hết 6 năm mới thôi.

Chu vi đất quanh mộ của Đức Khổng Tử rộng chừng 100 mẫu mà không hề có cây gai và cỏ may mọc. Học trò bảo nhau đi tìm các thứ hoa thơm cỏ lạ ở các nơi đem về trồng khắp chung quanh.

6. CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG TẶNG ĐỨC KHỔNG TỬ

– Năm 739, vua Đường Huyền Tôn phong tặng Đức Khổng Tử là Văn Tuyên Vương, mặc phẩm phục Hoàng

đế, tặng cho các đệ tử các tước: Công, Hầu, Bá.

– Năm 1008, vua Tống Chân Tông phong Ngài là: Đại Thánh Văn Tuyên Vương, phong cho thân phụ Ngài là Lỗ Công, phong cho thân mẫu Ngài là Lỗ Phu Nhân, vợ là Bà Thượng Quan Thị làm Văn Phu Nhân, và ra lệnh cho các tỉnh lập miếu thờ Ngài.

– Năm 1306, vua Minh Thế Tông phong tặng Ngài là Chí Thánh Tiên Sư.

– Năm 1645, vua Thanh Thế Tổ phong là Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương Thánh Sư Khổng Phu Tử.

7. VĂN MIẾU

Văn miếu hay Văn Thánh miếu là tòa nhà dựng lên để làm Đền thờ Đức Khổng Tử và các môn đệ của Ngài cùng với các Tiên hiền, Tiên nho qua các thời đại gồm:

a. Tứ Phối: Bốn vị Thánh cùng được phối hưởng cúng tế với Đức Khổng Tử. Tứ Phối gồm:

- Phục Thánh Nhan Tử (Nhan Hối)
- Tông Thánh Tăng Tử (Tăng Sâm)
- Thuật Thánh Tử Tư (Khổng Cấp)
- Á Thánh Mạnh Tử (Mạnh Kha)

b. Thập Triết: Mười vị Hiền triết, học trò tài giỏi nhứt của Đức Khổng Tử. Thập Triết gồm:

- Mẫn Tử (Mẫn Tử Khiên)
- Bá Ngưu (Nhiễm Canh)
- Trọng Cung (Nhiễm Ung)
- Tế Dư (Tứ Ngã)
- Đoan Mộc Tử (Tứ Cống)

- Nhiệm Cầu (Tử Hữu)
- Trọng Do (Tử Lộ)
- Ngôn Yển (Tử Du)
- Bốc Thương (Tử Hạ)
- Chuyên Tôn Sư (Tử Trương).

c. Thất thập nhị Hiền: 72 vị học trò giỏi của Đức Khổng Tử, nhưng ở dưới Thập Triết một bậc. Nói là Thất thập nhị Hiền, chớ thật ra chỉ có 62 vị, vì trong Thất thập nhị Hiền có Thập Triết, nên phải trừ ra 10 vị.

d. Tiên Hiền, Tiên Nho: Gồm 120 vị, qua các triều đại từ xưa đến nay.

8. ĐỨC KHỔNG TỬ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Đức Khổng Tử là một Đấng Giáo chủ trong Tam giáo thuộc thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Nhờ Đức Khổng Tử mà Nho giáo mới được hưng hạnh, và trở thành một học thuyết triết học nhân sinh có hệ thống chặt chẽ và hoàn hảo, chủ yếu dạy về Nhơn Đạo (Đạo làm Người). Không có một giáo thuyết nào dạy Nhơn Đạo hoàn hảo bằng Nho giáo.

Trong Kinh Cúng Tứ Thời của Đạo Cao Đài có Bài Kinh Nho giáo để xưng tụng công đức của Đức Khổng Tử. Ngày Đại Lễ Vía Đức Khổng Tử được chọn là ngày giáng sanh của Đức Khổng Tử, đó là ngày 27 tháng 8 âm lịch. Hằng năm, khi đến ngày này, tại Toà Thánh và các Thánh Thất địa phương đều có thiết lễ Đại Đàn cúng Vía Đức Khổng Tử, có Chúc sắc thuyết đạo nhắc lại Tiểu sử của Ngài, và nói về sự ích lợi của Nho giáo đối với sự ổn định trật tự trong gia đình và ngoài xã hội.

Do đó, Đức Chí Tôn mới có chủ trương NHO

TÔNG CHUYỂN THỂ, tức là dùng tinh hoa của Giáo lý Nho giáo để dạy dỗ người đời, tái lập trật tự và đạo đức trong xã hội. Trong Kinh Tam Nguơn Giác Thế, Đức Khổng Tử có giảng cơ dạy Đạo. Sau đây, xin chép lại bài Thánh giáo này:

Ngày 17 tháng Giêng năm Nhâm Thân (1932).

THI

*NGÃ dĩ từ chương giáo nghĩa phương,
KHỔNG văn hoằng hóa sự luân thường.
PHU thê, phụ tử, quân thần Đạo,
TỬ đệ phùng thời độ thiện lương.*

DIỄN DỤ: Các sĩ cùng chư khanh nghe cho rõ: Việc Tam giáo hiệp nhất. Từ mới mở mang Trời Đất đã có Đại Đạo. Tam giáo vốn một nhà, đời sau chia làm ba, chớ kỳ trung một bốn, kẻ thế không thông hiểu nên tranh luận giành điều chơn giả với nhau hoài. Những người xưng mình là Minh Sư, thọ truyền cho đồ đệ, thì mỗi người cũng muốn khoe tài mình mà truyền khẩu với chúng sanh rằng, đạo mình chánh, đạo khác thì tà: Té ra, mình là Minh Sư gạt chúng.

Nếu Đạo Tiên, Đạo Phật mà không dùng văn chương thì lấy chi mà tả kinh điển kệ. Còn học Nho mà không học Đạo thì ra người cuồng sĩ kiêu căng. Vậy khuyên mấy sĩ Ba Đạo cũng đồng tìm kiếm gốc cho mình chơn lý, đặng trước độ mình, sau độ chúng. Vậy mới gọi là Chánh kỹ hóa nhơn.

Thi rằng:

*Tam giáo từ xưa vốn một nhà,
Người sau lằm tưởng, vọng chia ba.*

*Minh tâm may hiểu đường chơn giả,
Mãn tánh mới thông nẻo chánh tà.
Thích, Đạo tỷ như hành bộ khách,
Nên Nho ví tựa chiếc đò qua.
Muôn ngàn kinh kệ do nơi chữ,
Tam giáo từ xưa vốn một nhà.*

KHỔNG PHU TỬ



Đức Khổng Tử
ĐỨC KHỔNG TỬ
TÙNG THIÊN — TỬ BẠCH HẠC